

Bản án số: **25/2024/DS-PT**

Ngày: 31-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 236/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2023/QĐXX-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Võ Thị Thu X, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bị đơn: bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

* Người kháng cáo: nguyên đơn bà Võ Thị Thu X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 28/10/2022 cùng các bản tự khai, nguyên đơn bà Võ Thị Thu X trình bày:

Trong năm 2015 và năm 2016, bà Võ Thị Thu X đang sinh sống tại tỉnh Bình Dương có cho bà Võ Thị Mỹ L (em ruột) vay tổng số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Khi vay, do ở xa nên bà X đã đến Ngân hàng Agribank chi nhánh T, tỉnh

Bình Dương chuyển tiền cho bà L theo số Chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Mỹ L gồm 03 lần: lần 01 ngày 16/10/2015 bà X có chuyển số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng), lần 02 ngày 26/10/2015 bà X có chuyển số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), lần 03 ngày 04/01/2016 bà Xuân có chuyển số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

Bà X đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền nêu trên nhưng đến nay, bà L vẫn chưa trả tiền cho bà X.

Vì vậy, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Mỹ L phải trả cho bà X 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà X không có yêu cầu gì khác.

Trong các lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Võ Thị Mỹ L trình bày:

Bà L thừa nhận, bà có đến Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B để nhận số tiền do bà X (chị ruột) gửi 03 lần, tổng cộng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) như trên. Tuy nhiên, bà không đồng ý trả vì ngoài 03 lần nhận tiền này, bà L còn nhận nhiều lần bà X gửi về vì: Năm 2015-2016, bà X do kinh tế quá khó khăn nên xuống tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống, bà Lê Thị L (mẹ ruột) vì thương con, cháu nên đã gửi các mặt hàng như rau, măng, hạt đười ươi... cho bà X bằng xe đồ (xe khách) để bỏ mỗi rồi bà X sẽ hoàn lại số tiền cho bà L. Do bà L không rành về giấy tờ nên đã nhờ bà L dùng tên và giấy chứng minh đi nhận tiền giúp và đưa về cho bà L.

Nay, bà Võ Thị Mỹ L không đồng ý trả số tiền trên vì bà chỉ được bà L nhờ đi nhận tiền từ ngân hàng về đưa cho bà L chứ bà không có vay mượn tiền của bà X.

Trong biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận, bà có nhờ bà Võ Thị Mỹ L đến Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B để nhận số tiền tổng cộng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Khi nhận tiền về, bà L đã đưa cho bà đủ số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Bà L nhờ bà L đi nhận thay là vì: Năm 2015 - 2016, bà X đi làm ăn, sinh sống tại tỉnh Bình Dương, bà đã gửi các mặt hàng như rau, măng, hạt đười ươi... cho bà X bằng xe đồ (xe khách) để bà Xuân bán kiếm lời, rồi bà X gửi trả lại số tiền hàng cho bà L. Do bà L không rành về giấy tờ nên đã nhờ con gái ruột (Võ Thị Mỹ L) đi nhận tiền giúp và mang về cho bà L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị Thu X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Mỹ L trả cho bà X 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu X về việc yêu cầu bà Võ Thị Mỹ L trả 80.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2023 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà Võ Thị Mỹ L trả 80.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn và bị đơn không thoản thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Thu X quá hạn theo luật định, tuy nhiên được chấp nhận theo quyết định số 07/2023/QĐ-PT ngày 16/8/2023 của Hội đồng xét kháng cáo quá hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tại Điều 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Thu X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo nội dung đơn khởi kiện (BL 01) và thông báo đòi nợ (BL 16) bà X cho rằng năm 2015 và 2016 bà X có cho bà Võ Thị Mỹ L vay tổng số tiền 80 triệu đồng, do ở xa, lại rất bận rộn nên bà X đã đến Ngân hàng Agribank chi nhánh T, tỉnh Bình Dương chuyển tiền cho bà L theo số chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Mỹ L 03 lần, lần 01 vào ngày 16/10/2015 chuyển số tiền 29 triệu đồng; lần 02 vào ngày 26/10/2015 chuyển số tiền 28 triệu đồng; lần 03 vào ngày 04/01/2016 chuyển số tiền

23 triệu đồng, lý do chuyển tiền cho bà L mượn để sinh em bé và làm nhà, Bà X đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền nêu trên nhưng đến nay bà L vẫn không trả cho bà X nên bà X đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà X số tiền 80.000.000đ.

[2.2] Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn bà Võ Thị Mỹ L thừa nhận có nhận 03 lần, lần 01 vào ngày 16/10/2015 chuyển số tiền 29 triệu đồng; lần 02 vào ngày 26/10/2015 chuyển số tiền 28 triệu đồng; lần 03 vào ngày 04/01/2016 chuyển số tiền 23 triệu đồng, tổng số tiền 80.000.000đ, việc nhận số tiền nêu trên là bà chỉ được nhờ đi nhận tiền dùm cho mẹ ruột là bà Lê Thị L, sau khi nhận số tiền ở trên bà đã giao cho mẹ ruột là bà Lê Thị L, do bà L không rành về giấy tờ, việc đi lại cũng không quen nên đã nhờ bà L đứng ra nhận tiền của bà X gửi cho bà L, nên số tiền nêu trên không phải là số tiền bà L vay của bà X như nội dung đơn khởi kiện của bà X. Điều này cũng được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L xác nhận trong thời gian năm 2015-2016 bà X làm ăn sinh sống tại tỉnh Bình Dương, bà L có gửi hàng hóa là rau củ quả (rau, măng, hạt đười ươi) để X bán kiếm lời nên số tiền mà bà Võ Thị Thu X chuyển cho bà Võ Thị Mỹ L vào các ngày 16/10/2015, ngày 26/10/2015 và ngày 04/01/2016 là tiền hàng do con gái của bà L là bà Võ Thị Thu X chuyển cho bà Lê Thị L thông qua bà L. Như vậy, xét lời khai của bà L và bà Lê Thị L phù hợp với nội dung “*chuyển tiền cho mẹ*” theo giấy nộp tiền mà bà X nộp tiền để chuyển tiền cho bà L (BL 14, 15). Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà X vẫn cho rằng số tiền mà bà X chuyển cho bà L là tiền bà L vay của bà X nhưng bà X không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn bà X không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên bà X phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Thu X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273, 275 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu X về việc yêu cầu bà Võ Thị Mỹ L trả 80.000.000đ.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu X phải nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền bà X đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017870 ngày 10 tháng 10 năm 2023. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh